

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong thời gian từ năm 2013 đến năm 2018, thực hiện chính sách hỗ trợ của Nhà nước về giống cây trồng, vật nuôi, thủy sản để khôi phục sản xuất nông nghiệp bị thiệt hại do thiên tai (bão lụt, hạn hán), Nguyễn Văn H - Công chức địa chính nông nghiệp Ủy ban nhân dân (Viết tắt: UBND) xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An (giai đoạn từ năm 2012 đến tháng 9/2020) đã tham mưu, đề xuất và được Lưu Quang T1 - nguyên Chủ tịch UBND xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An (giai đoạn từ năm 2004 đến tháng 8/2014) và Trần Công O - nguyên Chủ tịch UBND xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An (giai đoạn từ tháng 9/2014 đến tháng 7/2020) chỉ đạo lập không hồ sơ đề nghị Nhà nước hỗ trợ thiệt hại do bão, hạn hán và mưa lụt gây ra trên địa bàn xã nhằm mục đích rút tiền ngân sách Nhà nước để chi tiêu trái pháp luật cho các hoạt động chung của UBND xã. Cụ thể như sau:

1. Hồ sơ đề nghị hỗ trợ thiệt hại do bão số 8 năm 2013:

Ngày 04/10/2013, UBND tỉnh N ban hành Quyết định số 4468/QĐ-UBND.NN về việc công bố thiên tai do hoàn lưu bão số 8 gây ra trên địa bàn tỉnh Nghệ An. Để thực hiện chế độ hỗ trợ cho người dân bị thiệt hại do thiên tai trên địa bàn xã, UBND xã N đã thành lập Đoàn nghiệm thu cơ sở và thực hiện chính sách hỗ trợ do thiên tai gây ra đối với diện tích nuôi trồng thủy sản gồm: Lưu Quang T1 - Chủ tịch UBND xã, Trưởng đoàn; Hoàng Văn Đ1 - Phó Chủ tịch UBND xã, Phó Đoàn; Nguyễn Văn H - Cán bộ địa chính nông nghiệp và Võ Đình G - Cán bộ khuyến nông xã là thành viên.

Thực hiện Quyết định số 868/UBND.NN ngày 01/10/2013 của UBND huyện N, tỉnh Nghệ An về việc lập hồ sơ hỗ trợ thiệt hại do bão số 8, số 10 gây ra năm 2013 đối với sản xuất nông nghiệp trên địa bàn huyện N, Lưu Quang T1 đã chỉ đạo Nguyễn Văn H kiểm tra, lập hồ sơ đề nghị hỗ trợ cho các hộ dân bị thiệt hại. Sau khi kiểm tra sơ bộ, Nguyễn Văn H xác định mức độ thiệt hại của các hộ dân thấp nên khó được hỗ trợ và đã báo cáo với Lưu Quang T1 và được chỉ đạo: *“Bằng cách nào cũng phải xin được hỗ trợ cho dân để động viên nhân dân sản xuất”*. Trên cơ sở đó, Nguyễn Văn H đã lập không hồ sơ đề nghị hỗ trợ thiệt hại bằng cách lập tăng diện tích thiệt hại, tăng tỷ lệ mức độ thiệt hại, tăng số hộ thiệt hại so với thực tế, trình Lưu Quang T1 ký. Ngày 20/11/2013, UBND xã N đã lập Tờ trình số 61/TTr-UBND về việc xin hỗ trợ kinh phí thiệt hại các loại cây trồng, thủy sản do bão số 8 gây ra năm 2013 kèm theo hồ sơ đề nghị xem xét giải quyết kinh phí hỗ trợ đối với diện tích nuôi trồng thủy sản bị thiệt hại là 30ha, số tiền hỗ trợ là: 210.000.000 đồng.

Ngày 25/7/2014, UBND huyện N, tỉnh Nghệ An có Quyết định số 1225/QĐ-UBND về việc cấp kinh phí (đợt 2) hỗ trợ cho các xã, thị trấn có diện tích cây trồng, diện tích nuôi trồng thủy sản bị thiệt hại do cơn bão số 8, 10 năm 2013. Ngày 28/7/2014, Phòng Tài chính - Kế hoạch UBND huyện N có thông báo số 83/TB-TCKH về việc bổ sung có mục tiêu ngoài dự toán đầu năm 2014,

theo đó UBND huyện N bổ sung có mục tiêu ngoài dự toán đầu năm 2014 cho UBND xã N kinh phí hỗ trợ diện tích cây trồng, diện tích nuôi trồng thủy sản bị thiệt hại do cơn bão số 8, 10 năm 2013 số tiền 366.830.000 đồng, trong đó có 210.000.000 đồng hỗ trợ cho diện tích nuôi trồng thủy sản bị thiệt hại. Ngày 29/7/2014, UBND xã N lập giấy rút dự toán ngân sách số 07 rút số tiền 366.830.000 đồng về nhập quỹ.

Ngày 28/7/2014, UBND xã N lập phiếu chi số P295 chi số tiền 210.000.000 đồng cho Nguyễn Văn H để thực hiện chi trả cho các hộ dân có diện tích nuôi trồng thủy sản bị thiệt hại do thiên tai gây ra. Tuy nhiên, Nguyễn Văn H chỉ chi trả cho các hộ dân có diện tích bị thiệt hại thực tế, số tiền 29.686.500 đồng. Số tiền còn lại UBND xã N không tiến hành chi trả là 180.313.500 đồng. Lưu Quang T1 đã báo cáo xin ý kiến Ban Thường vụ Đảng ủy xã về việc giữ lại tiền để chi cho các hoạt động chung của UBND xã và được Ban Thường vụ Đảng ủy xã đồng ý. Số tiền này sau đó đã được sử dụng để chi quà Tết Nguyên đán cho lãnh đạo, cán bộ Đảng ủy, UBND xã, cán bộ thôn xóm trên địa bàn xã N. Các khoản chi này không có chứng từ chi.

2. Hồ sơ đề nghị hỗ trợ thiệt hại do hạn hán tháng 5 năm 2014:

Căn cứ vào các quy định của Nhà nước có liên quan tới việc thực hiện chính sách hỗ trợ giống, cây trồng, vật nuôi, thủy sản để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh gây ra trên địa bàn vào năm 2014, UBND xã N đã lập Tờ trình số 57/TTr-UBND ngày 22/8/2014 về việc đề nghị hỗ trợ diện tích nuôi trồng thủy sản bị thiệt hại do hạn hán vào tháng 5 năm 2014 kèm theo hồ sơ đề nghị xem xét giải quyết kinh phí hỗ trợ đối với diện tích nuôi trồng thủy sản bị thiệt hại là 30ha, số tiền hỗ trợ là: 210.000.000 đồng. Tuy nhiên, UBND xã N không thông báo cho các hộ dân trên địa bàn biết; không thành lập Đoàn kiểm tra, xác nhận thiệt hại; thực tế mức độ thiệt hại của các hộ dân không đủ điều kiện để được nhận hỗ trợ, Nguyễn Văn H đã lập khống hồ sơ đề nghị hỗ trợ bằng cách lập tăng diện tích thiệt hại, tăng tỷ lệ mức độ thiệt hại, tăng số hộ thiệt hại so với thực tế sau đó trình ông Hoàng Văn Đ1 - Phó Chủ tịch UBND xã ký để gửi lên UBND huyện đề nghị hỗ trợ.

Ngày 08/12/2014, UBND huyện N có Quyết định số 1971/QĐ-UBND về việc cấp kinh phí hỗ trợ cho các xã, thị trấn có diện tích cây trồng, diện tích nuôi trồng thủy sản bị thiệt hại do hạn hán và mưa lụt vụ xuân năm 2014. Ngày 19/12/2014, Phòng Tài chính - Kế hoạch UBND huyện N có thông báo số 222/TB-TCKH về việc bổ sung có mục tiêu ngoài dự toán đầu năm 2014, theo đó UBND huyện N bổ sung có mục tiêu ngoài dự toán đầu năm 2014 cho UBND xã N kinh phí hỗ trợ các hộ dân có diện tích cây trồng, thủy sản bị thiệt hại do hạn hán và mưa lụt năm 2014 số tiền 265.000.000 đồng, trong đó có 210.000.000 đồng hỗ trợ cho diện tích nuôi trồng thủy sản bị thiệt hại. Ngày 18/12/2014, UBND xã N lập giấy rút dự toán ngân sách số 12 rút số tiền 265.000.000 đồng về nhập quỹ (thể hiện tại Phiếu thu số T33 ngày 18/12/2014).

Ngày 20/12/2014, UBND xã N lập Phiếu chi số P535 chi số tiền 210.000.000 đồng cho Nguyễn Văn H để thực hiện chi trả cho các hộ dân có diện tích nuôi trồng thủy sản bị thiệt hại do hạn hán gây ra. Tuy nhiên, trên thực

tế mức độ thiệt hại không đủ điều kiện để nhận hỗ trợ nên toàn bộ số tiền này được ông Trần Công O - Chủ tịch UBND xã N (thay ông Lưu Quang T1) báo cáo xin ý kiến Ban thường vụ Đảng ủy xã N về việc giữ lại để chi cho các hoạt động chung của UBND xã và được Ban Thường vụ đồng ý. Số tiền 210.000.000 đồng sau đó đã được sử dụng để chi cho hoạt động tham quan, du lịch của UBND xã, chi cho quỹ Công đoàn. Các khoản chi này không có chứng từ chi.

3. Hồ sơ đề nghị hỗ trợ thiệt hại do hạn hán tháng 5, tháng 6 năm 2015:

Ngày 17/6/2015, UBND tỉnh N ra Quyết định số 2475/QĐ-UBND.NN về việc công bố thiên tai do hạn hán năm 2015 gây ra trên địa bàn tỉnh Nghệ An. Để thực hiện chế độ hỗ trợ cho người dân bị thiệt hại do thiên tai, hạn hán trên địa bàn xã, UBND xã N đã thành lập Đoàn nghiệm thu cơ sở và thực hiện chính sách hỗ trợ do hạn hán đối với diện tích nuôi trồng thủy sản gồm: Trần Công O - Chủ tịch UBND xã, Trưởng ban; Hoàng Văn Đ1 - Phó Chủ tịch UBND xã, Phó ban; Nguyễn Văn H - Cán bộ địa chính nông nghiệp là Ban viên cùng một số thành viên khác có liên quan. Sau khi kiểm tra sơ bộ xác định mức thiệt hại thấp, Nguyễn Văn H đã đề xuất với Trần Công O về việc lập khống hồ sơ bằng cách lập tăng diện tích thiệt hại, tăng tỷ lệ mức độ thiệt hại, tăng số hộ thiệt hại so với thực tế để đề nghị hỗ trợ và được Trần Công O đồng ý. Ngày 17/6/2015, UBND xã N đã lập Tờ trình số 25/TTr-UBND về việc đề nghị hỗ trợ diện tích nuôi trồng thủy sản bị thiệt hại do hạn hán vào tháng 5 và tháng 6 năm 2015 kèm theo hồ sơ đề nghị xem xét giải quyết hỗ trợ kinh phí cho diện tích nuôi trồng thủy sản bị thiệt hại là 30 ha, số tiền hỗ trợ là: 300.000.000 đồng.

Ngày 26/4/2016, UBND huyện N có Quyết định số 539/QĐ-UBND về việc cấp kinh phí cho các xã, thị trấn hỗ trợ khôi phục sản xuất nông nghiệp bị thiệt hại do hạn hán vụ hè thu năm 2015. Ngày 28/4/2016, Phòng Tài chính - Kế hoạch UBND huyện N có thông báo số 96/TB-TCKH về việc bổ sung có mục tiêu ngoài dự toán đầu năm 2016, theo đó UBND huyện N bổ sung có mục tiêu ngoài dự toán đầu năm 2016 cho UBND xã N kinh phí hỗ trợ khôi phục thiệt hại do hạn hán vụ hè thu năm 2015 số tiền: 548.800.000 đồng, trong đó có 300.000.000 đồng hỗ trợ cho diện tích nuôi trồng thủy sản bị thiệt hại. Ngày 05/5/2016, UBND xã N lập giấy rút dự toán ngân sách số 04 rút số tiền 548.800.000 đồng về nhập quỹ.

Ngày 07/5/2016, UBND xã N lập Phiếu chi số CT164 chi số tiền 300.000.000 đồng cho Nguyễn Văn H để thực hiện chi trả cho các hộ dân có diện tích nuôi trồng thủy sản bị thiệt hại do thiên tai gây ra. Tuy nhiên, trên thực tế Nguyễn Văn H chỉ chi trả cho các hộ dân có diện tích bị thiệt hại là 53.340.000 đồng. Số tiền còn lại là 246.660.000 đồng, Trần Công O báo cáo xin ý kiến Ban thường vụ Đảng ủy xã về việc giữ lại để chi cho các hoạt động chung của UBND xã và được Ban Thường vụ đồng ý. Số tiền này sau đó đã được sử dụng để chi quà Tết nguyên đán năm 2016 cho lãnh đạo, cán bộ Đảng ủy, UBND xã, cán bộ các thôn xóm, các ban ngành, đoàn thể trên địa bàn xã N. Các khoản chi này không có chứng từ chi.

4. Hồ sơ đề nghị hỗ trợ thiệt hại do mưa lụt vụ Đông năm 2016 và Hồ sơ đề nghị hỗ trợ thiệt hại do bão số 10 năm 2017:

- Căn cứ vào các quy định của Nhà nước có liên quan tới việc thực hiện chính sách hỗ trợ giống, cây trồng, vật nuôi, thủy sản để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh gây ra trên địa bàn vào năm 2016 và năm 2017. Để thực hiện chế độ hỗ trợ cho các hộ dân có diện tích cây trồng bị thiệt hại do mưa lụt vụ Đông năm 2016, UBND xã N đã thành lập Đoàn nghiệm thu cơ sở và thực hiện chính sách hỗ trợ đối với diện tích cây trồng gồm: Trần Công O - Chủ tịch UBND xã, Trưởng đoàn; Hoàng Văn Đ1 - Phó Chủ tịch UBND xã, Phó Đoàn; Nguyễn Văn H - Cán bộ địa chính nông nghiệp xã và Võ Đình G - Cán bộ khuyến nông xã làm thành viên. Quá trình lập hồ sơ, ngoài diện tích thiệt hại thực tế của các hộ dân, Nguyễn Văn H đã báo cáo đề xuất Trần Công O về việc lập khống hồ sơ bằng cách lồng ghép thêm diện tích đất công ích (đất 5%) của xã để làm hồ sơ đề nghị hỗ trợ và được Trần Công O đồng ý. Ngày 29/10/2016, UBND xã N lập tờ trình số 60/TTr-UBND về việc xin kinh phí hỗ trợ diện tích cây trồng bị thiệt hại do mưa lụt vụ Đ2 năm 2016 với số tiền đề nghị là 181.160.000 đồng, kèm theo hồ sơ đề nghị xem xét giải quyết kinh phí hỗ trợ.

- Năm 2017, khi thực hiện chính sách hỗ trợ cho các hộ dân bị thiệt hại do bão số A, ngoài diện tích thiệt hại thực tế, Nguyễn Văn H tiếp tục báo cáo đề xuất Trần Công O lập khống hồ sơ bằng cách lồng ghép thêm diện tích đất công ích (đất 5%) của xã để làm hồ sơ đề nghị hỗ trợ và được Trần Công O đồng ý. Ngày 19/10/2017, UBND xã N lập tờ trình số 194/TTr-UBND về việc xin kinh phí hỗ trợ diện tích cây trồng bị thiệt hại do bão số 10 năm 2017, số tiền đề nghị là 200.800.000 đồng, kèm theo hồ sơ đề nghị xem xét giải quyết kinh phí hỗ trợ. Ngày 04/10/2018, Phòng Tài chính - Kế hoạch UBND huyện N có thông báo số 218/TB-TCKH về việc bổ sung mục tiêu năm 2018, theo đó UBND huyện N bổ sung có mục tiêu ngoài dự toán đầu năm 2018 cho UBND xã N kinh phí khôi phục sản xuất nông nghiệp bị thiệt hại do mưa lụt năm 2016, bão số 02, bão số 10 và áp thấp nhiệt đới năm 2017 số tiền: 388.560.000 đồng.

Ngày 16/10/2018, UBND xã N lập giấy rút dự toán ngân sách rút số tiền 399.090.000 đồng về nhập quỹ (thể hiện tại Phiếu thu số PT112 ngày 05/11/2018) trong đó có số tiền 388.560.000 đồng.

Ngày 19/11/2018, UBND xã N lập Phiếu chi số PC258c chi số tiền 85.102.700 đồng cho Nguyễn Văn H để thực hiện chi trả cho các hộ dân bị thiệt hại do mưa lụt vụ Đ2 năm 2016 (số tiền 40.035.000 đồng) và do bão số 10 năm 2017 (số tiền 45.067.700 đồng), thực tế đây là tiền có được do lập khống hồ sơ đất công ích của xã nên không chi trả cho các hộ dân. Theo sự chỉ đạo của ông Trần Công O, UBND xã N đã chi số tiền này cho các hoạt động tham quan, du lịch.

Tại bản Kết luận giám định số 190/KL-PC09(Đ3) ngày 12/5/2021 của Phòng K1 Công an tỉnh N kết luận:

- Chữ ký dưới mục “ĐẠI DIỆN UBND XÃ NGHI TIẾN” trên 02 “BIÊN BẢN NGHIỆM THU” ký hiệu A1, A2; chữ ký mang tên Lưu Quang T1 trên các tài liệu

cần giám định ký hiệu từ A3 đến A18 so với chữ ký của Lưu Quang T1 trên các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu từ M1 đến M4 là do cùng một người ký ra.

- Chữ ký mang tên Lưu Quang T1 trên “QUYẾT ĐỊNH” ký hiệu A61 so với chữ ký của Lưu Quang T1 trên các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu từ M1 đến M4 không phải do cùng một người ký ra.

- Chữ ký dưới mục “CHỦ TỊCH” trên “DANH SÁCH CHI TRẢ TIỀN HỖ TRỢ CHO CÁC HỘ DÂN” ký hiệu A48; chữ ký mang tên Trần Công O trên các tài liệu giám định ký hiệu từ A21 đến A47 và A49 so với chữ ký của Trần Công O trên các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M12 đến M17 là do cùng một người ký ra.

- Chữ ký mang tên Trần Công O trên các tài liệu giám định ký hiệu từ A50 đến A60 so với chữ ký của Trần Công O trên các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu từ M5 đến M11 là do cùng một người ký ra.

- Chữ ký mang tên Nguyễn Văn H trên các tài liệu giám định ký hiệu từ A6 đến A13, từ A15 đến A20, A22, A23, A26, từ A34 đến A49, A52, từ A57 đến A60 so với chữ ký của Nguyễn Văn H trên các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu từ M18 đến M21 là do cùng một người ký ra.

- Chữ ký mang tên Nguyễn Văn H trên “PHIẾU CHI” ký hiệu A21 so với chữ ký của Nguyễn Văn H trên các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu từ M18 đến M21 không phải do cùng một người ký ra.

Quá trình điều tra xác định: Trong tổng số tiền 722.076.200 đồng mà các cán bộ UBND xã lập không hồ sơ, Thanh tra huyện N đã phát hiện sai phạm số tiền 471.510.600 đồng và đã thu hồi theo các Quyết định về việc xử lý số tiền sai phạm số 1129/QĐ-CTUBND ngày 18/5/2020, Quyết định về việc thu hồi tiền sai phạm số 1100/QĐ-CTUBND ngày 12/5/2020, số 1116/QĐ-CTUBND ngày 15/5/2020 của Chủ tịch UBND huyện N. Ngoài ra, UBND xã N đã tự nộp trả lại tiền lập không diện tích đất công ích đề nghị hỗ trợ thiệt hại do mưa lụt vụ Đ2 năm 2016 và bão số 10 năm 2017 vào ngân sách Nhà nước, số tiền 85.102.700 đồng (thể hiện tại Giấy nộp trả kinh phí cho ngân sách cấp trên ngày 23/6/2020). Số tiền còn lại 165.462.900 đồng hiện nay các bị cáo Trần Công O, Nguyễn Văn H đã tự nguyện nộp để khắc phục hậu quả.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 164/2021/HS-ST ngày 01/11/2021, Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An đã kết án các bị cáo Nguyễn Văn H, Trần Công O phạm tội "Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ" và quyết định:

- Áp dụng điểm b, c khoản 2 Điều 281 Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi bổ sung năm 2009); điểm s, b, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 58; Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017): Xử phạt bị cáo Trần Công O 24 (hai mươi tư) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bắt bị cáo để thi hành án.

- Áp dụng điểm b, c khoản 2 Điều 356, điểm s, b khoản 1, 2 Điều 51, Điều 54, Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015 xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H 36 (ba mươi sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo để thi hành án.

2. Trả lại cho UBND huyện N số tiền 165.463.000 (một trăm sáu mươi lăm triệu, bốn trăm sáu mươi ba ngàn) đồng do các bị cáo Nguyễn Văn H và Trần

Công O khắc phục thể hiện tại chứng từ giao dịch chứng nhận nộp tiền ngày 13/5/2021, ghi có, tài khoản số 394101068597, tên tài khoản Sở T2, tại Kho bạc nhà nước tỉnh Nghệ An, người nộp tiền Trần Công O.

Trả lại cho UBND huyện N số tiền 85.102.700 (tám mươi lăm triệu, một trăm linh hai ngàn, bảy trăm) đồng do UBND xã N nộp lại, thể hiện tại Giấy nộp trả kinh phí ngày 23/6/2020.

Ngoài ra, bản án còn quyết định về án phí, quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm:

- Ngày 05/11/2021, bị cáo Trần Công O kháng cáo đề nghị giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo;

- Ngày 06/11/2021, bị cáo Nguyễn Văn H kháng cáo đề nghị giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Bị cáo Trần Công O và Nguyễn Văn H đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt tại phiên tòa;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các bị cáo. Sau khi phân tích các chứng cứ tài liệu có trong hồ sơ vụ án, tính chất, mức độ nguy hiểm do hành vi phạm tội của các bị cáo đã thực hiện, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Trần Công O và Nguyễn Văn H, giữ nguyên quyết định về hình sự của bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Kháng cáo của các bị cáo Trần Công O và Nguyễn Văn H trong thời hạn, có nội dung và hình thức phù hợp với quy định tại Điều 331, 332, 333 Bộ luật Tố tụng Hình sự nên được giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[1.2] Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhưng bị cáo Trần Công O và Nguyễn Văn H không có mặt tại phiên tòa. Căn cứ quy định tại điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vụ án vắng mặt các bị cáo.

[2] Về nội dung:

[2.1] Căn cứ lời khai của bị cáo Trần Công O, Nguyễn Văn H về hành vi phạm tội trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử sơ thẩm; phù hợp lời khai của những người làm chứng, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ xác định: Lợi dụng chức vụ, quyền hạn được giao và chính sách của Nhà nước trong việc hỗ trợ giống cây trồng, thủy sản để khôi phục sản xuất nông nghiệp bị thiệt hại do thiên tai, hạn hán gây ra, bị cáo Trần Công O (Chủ tịch UBND xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An, giai đoạn từ tháng 10/2014 đến tháng

7/2020), Nguyễn Văn H (Công chức địa chính nông nghiệp UBND xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An, giai đoạn từ năm 2012 đến tháng 9/2020) đã lập không hồ sơ đề nghị hỗ trợ thiệt hại do bão số 8 năm 2013; do hạn hán tháng 5 năm 2014; tháng 5, tháng 6 năm 2015; do mưa lụt vụ Đông năm 2016 và do bão số 10 tháng 9 năm 2017 gây thiệt hại đến tài sản của Nhà nước với tổng số tiền: 722.076.200 (*bảy trăm hai mươi hai triệu không trăm bảy mươi sáu nghìn hai trăm*) đồng. Trong đó:

- Bị cáo Nguyễn Văn H trực tiếp lập không hồ sơ trong các năm 2013, 2014, 2015, 2016 và 2017 đề nghị hỗ trợ, gây thiệt hại cho ngân sách Nhà nước số tiền 722.076.200 (*bảy trăm hai mươi hai triệu không trăm bảy mươi sáu nghìn hai trăm*) đồng.

- Bị cáo Trần Công O chỉ đạo việc lập không hồ sơ trong các năm 2015, 2016 và 2017 đề nghị hỗ trợ, gây thiệt hại cho ngân sách Nhà nước số tiền 331.762.700 đồng (*ba trăm ba mươi một triệu bảy trăm sáu mươi hai nghìn bảy trăm* đồng).

Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm đã kết án 02 bị cáo Trần Công O và Nguyễn Văn H về tội "Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ" là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2.2] Bản án sơ thẩm nhận định: Do hành vi phạm tội của các bị cáo xảy ra trước thời điểm Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) có hiệu lực thi hành. Áp dụng khoản 1 Điều 7 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) và điểm a khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội; Hành vi nêu trên của các bị can Lưu Quang T1 đã phạm vào tội "Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ" quy định tại khoản 1 Điều 281 Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi bổ sung năm 2009); Trần Công O đã phạm vào tội "Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ" quy định tại điểm b, c khoản 2 Điều 281 Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi bổ sung năm 2009). Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy:

- Đối với bị cáo Trần Công O: Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ theo quy định tại điểm b, c khoản 2 Điều 281 Bộ luật Hình sự năm 1999 (*sửa đổi bổ sung năm 2009*) để kết án bị cáo về tội "Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ" là không chính xác. Bởi lẽ: Hành vi phạm tội của bị cáo cùng với bị cáo Nguyễn Văn H được thực hiện liên tục từ năm 2015 đến năm 2017 là thời điểm Bộ luật hình sự năm 2015 (*sửa đổi bổ sung năm 2017*) đã có hiệu lực pháp luật. Mặc dù quy định về tình tiết định khung tăng nặng và hình phạt tại khoản 2 Điều 281 Bộ luật Hình sự năm 1999 (*sửa đổi bổ sung năm 2009*) và khoản 2 Điều 356 Bộ luật Hình sự năm 2015 (*sửa đổi bổ sung năm 2017*) là như nhau, nhưng để bảo đảm tính đúng đắn trong việc áp dụng pháp luật thì cần áp dụng quy định tại điểm b, c khoản 2 Điều 356 Bộ luật Hình sự năm 2015 (*sửa đổi bổ sung năm 2017*) đối với bị cáo Trần Công O mới đúng. Vì vậy, Hội đồng xét xử phúc thẩm sẽ chỉnh sửa và rút kinh nghiệm với Tòa án cấp sơ thẩm trong việc áp dụng pháp luật.

[3] Xét kháng cáo của bị cáo Trần Công O và Nguyễn Văn H:

[3.1] Xét kháng cáo của 02 bị cáo về việc giảm nhẹ hình phạt:

Mặc dù các bị cáo không sử dụng toàn bộ số tiền chiếm đoạt để sử dụng riêng cho cá nhân, nhưng đã chi tiêu trái pháp luật cho các hoạt động chung của UBND xã như: Chi quà Tết Nguyên đán, chi cho Quỹ Công đoàn, tham quan, du lịch, trong đó các bị cáo cũng có phần được hưởng lợi trái pháp luật. Tòa án cấp sơ thẩm xác định hành vi của các bị cáo có mục đích vụ lợi là đúng quy định tại khoản 7 Điều 3 Nghị quyết số 03/2020/NQ-HĐTP ngày 30/12/2020 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Tòa án cấp sơ thẩm đã nhận xét và phân hóa đúng vai trò của các đồng phạm; đồng thời căn cứ vào nhân thân 02 bị cáo không có tiền án, tiền sự; quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đã tự nguyện bồi thường thiệt hại (bị cáo H đã bồi thường số tiền 80.462.000 đồng; bị cáo O đã bồi thường số tiền 85.000.000 đồng) để khắc phục hậu quả; cả 02 bị cáo đều có thân nhân là người có công lao với đất nước, được chính quyền địa phương đề nghị xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nên đã áp dụng cho 02 bị cáo tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s, b khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015; bị cáo O có thành tích xuất sắc trong công tác, được tặng thưởng Bằng khen và nhiều Giấy khen, Kỷ niệm chương nên còn được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm v khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015. Do 02 bị cáo được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự nên Tòa án cấp sơ thẩm đã căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự 2015 để quyết định hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt quy định tại khoản 2 Điều 356 Bộ luật Hình sự năm 2015 (hình phạt tù từ 05 năm đến 10 năm). Mức hình phạt với bị cáo O 24 tháng tù, bị cáo H 36 tháng tù đã thể hiện tính nhân đạo, khoan hồng của pháp luật. Tại phiên tòa phúc thẩm 02 bị cáo đều không có tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nào mới nên Hội đồng xét xử không có căn cứ chấp nhận kháng cáo đề nghị giảm nhẹ hình phạt của 02 bị cáo.

[3.2] Xét kháng cáo của 02 bị cáo về việc đề nghị cho hưởng án treo: Cả 02 bị cáo trong vụ án đều thực hiện hành vi phạm tội trong thời gian dài, phạm tội nhiều lần, tội phạm đã thực hiện không phải tội ít nghiêm trọng. Vì vậy căn cứ hướng dẫn tại điểm c Điều 2 Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao sửa đổi Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao ban hành hướng dẫn áp dụng Điều 65 Bộ luật Hình sự án treo thì các bị cáo thuộc trường hợp không được hưởng án treo. Quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm buộc 02 bị cáo phải chấp hành hình phạt tù là đúng pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử không có căn cứ chấp nhận kháng cáo được hưởng án treo của 02 bị cáo.

[4] Về án phí hình sự phúc thẩm: Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và điểm b khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bị cáo Nguyễn Văn H và Trần Công O phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự: Không chấp nhận kháng cáo của 02 bị cáo: Nguyễn Văn H và Trần Công O về việc đề nghị giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo. Giữ nguyên quyết định về hình sự tại bản án hình sự sơ thẩm số 164/2021/HS-ST ngày 01/11/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An:

- Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn H, Trần Công O, phạm tội "Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ".

- Áp dụng điểm b, c khoản 2 Điều 356, điểm s, b khoản 1, 2 Điều 51, Điều 54, Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017), xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H 36 (ba mươi sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bắt đầu chấp hành án.

- Áp dụng điểm b, c khoản 2 Điều 356; điểm s, b, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 58; Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017), xử phạt bị cáo Trần Công O 24 (hai mươi tư) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bắt đầu chấp hành án.

2. Án phí hình sự phúc thẩm: Buộc các bị cáo Nguyễn Văn H, Trần Công O mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm ngàn) đồng.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ thời điểm hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi gửi:

- VKSND cấp cao Hà Nội;
- TAND, VKSND, CQĐT, CQTHA hình sự Công an tỉnh Nghệ An
- Cục THADS tỉnh Nghệ An;
- UBND xã Nghi Tiên, huyện Nghi Lộc tỉnh Nghệ An;
- Các bị cáo (theo địa chỉ);
- Lưu HSVA, VP, Phòng HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nguyễn Hải Thanh